

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VÀ CHUYÊN GIA THANH HÓA

Địa chỉ: Số 57 Phú Thọ 3, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: 037.3750928

Fax: 037.3750929

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

CỦA

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH

VỐN NHÀ NƯỚC

TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN

**DỊCH VỤ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VÀ CHUYÊN GIA
THANH HÓA**



Đại diện phần vốn Nhà nước

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ
KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

Số 117 Trần Duy Hưng, Hà Nội

ĐT: (84-4) 6278 0126

www.scic.vn

Tổ chức tư vấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

Tầng 1, Toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội

ĐT: (84-04) 3573 0073; Fax: (84-4) 3573 008

www.ivs.com.vn

(Để đảm bảo quyền lợi của các Nhà đầu tư, Ban tổ chức đấu giá khuyến cáo các Nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham dự đấu giá)

MỤC LỤC

I.	CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	3
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	5
1.	Tổ chức phát hành.....	5
2.	Tổ chức tư vấn.....	5
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	5
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY	6
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
2.	Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty	6
2.1.	Cơ cấu tổ chức.....	6
2.2.	Nhiệm vụ, chức năng các phòng ban.....	7
3.	Vốn Điều lệ và Cơ cấu Cổ đông của Công ty.....	10
3.1.	Vốn Điều lệ của Công ty.....	10
3.2.	Cơ cấu cổ đông của Công ty.....	10
4.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Công ty, những Công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty mà nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty	11
5.	Tình hình lao động	11
5.1.	Tổng số lao động của Công ty	11
5.2.	Chính sách đối với người lao động.....	11
6.	Hoạt động kinh doanh.....	12
6.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh	12
6.2.	Cơ cấu chi phí	13
6.3.	Tình hình công nợ hiện nay.....	13
6.4.	Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu	15
V.	THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT	16
1.	Thuận lợi.....	16
2.	Khó khăn	16
VI.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	18
1.	Rủi ro kinh tế.....	18

2. Rủi ro Pháp luật	18
3. Rủi ro đặc thù.....	19
4. Rủi ro từ đợt bán đấu giá.....	19
5. Rủi ro khác	19
VII. DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC CHỨC DANH QUẢN LÝ CÔNG TY	20
1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....	20
2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát.....	21
3. Danh sách thành viên Ban giám đốc.....	22
4. Kế toán trưởng	22
VIII. CỔ PHIẾU BÁN ĐẤU GIÁ	22
1. Thông tin cơ bản.....	24
2. Mục đích của việc chào bán	24
3. Phương pháp tính giá.....	24
4. Phương thức phân phối.....	24
5. Đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá.....	24
6. Thời gian và địa điểm đăng ký tham dự đấu giá.....	25
7. Lập và nộp phiếu tham dự đấu giá.....	26
8. Lưu ý một số vấn đề đối với nhà đầu tư khi đến tham dự đấu giá.....	27
9. Thời hạn thanh toán và hoàn trả tiền đặt cọc	27
10. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần.....	27
11. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	27
12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	27
13. Các loại thuế có liên quan đến cổ phần chào bán.....	28
IX. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ	28
X. ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	28

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

- ❖ **Tên Tiếng Việt** : CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VÀ CHUYÊN GIA THANH HÓA
- ❖ **Tên Tiếng Anh** : THANH HOA LABOUR AND EXPERT EXPORT SERVICE JOINT STOCK COMPANY
- ❖ **Tên viết tắt** : LEESCO
- ❖ **Trụ sở chính** : Số 57 Phú Thọ 3, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
- ❖ **Điện thoại** : 037.3750928
- ❖ **Fax** : 037.3750929
- ❖ **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800539348** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa, cấp lần đầu ngày 08 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 04 tháng 06 năm 2012.
- ❖ **Ngành nghề kinh doanh:**
 - *Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ đưa lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; giới thiệu lao động cho các khu công nghiệp và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;*
 - *Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Liên kết với các trường dạy nghề để đào tạo nghề và nâng cao trình độ cho số lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;*
 - *Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;*
 - *Xây dựng nhà các loại;*
 - *Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;*
 - *Dịch vụ thương mại và tư vấn du học; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư hàng hóa.*
- ❖ **Vốn của Công ty:**
 - **Vốn điều lệ** : 5.000.000.000 đồng
 - **Tổng số cổ phần** : 500.000 cổ phần
 - **Mệnh giá** : 10.000 đồng/cổ phần
- ❖ **Thông tin về đợt chào bán:**
 - **Số lượng cổ phần chào bán** : 306.418 cổ phần
 - **Giá trị chào bán** : 3.064.180.000 đồng
 - **Giá khởi điểm** : 5.000 đồng/cổ phần

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- ❖ Luật doanh nghiệp 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- ❖ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- ❖ Căn cứ Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- ❖ Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty Nhà nước và quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- ❖ Quyết định số 113/QĐ-ĐTKDV ngày 18 tháng 03 năm 2014 của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc bán cổ phần của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Tổ chức phát hành:** Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa
Đại diện theo Pháp luật: Ông Lê Văn Tình
Chức vụ: Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty
- Tổ chức tư vấn:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam
Đại diện tổ chức tư vấn: Ông Đoàn Ngọc Hoàn
Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này phục vụ cho việc bán đấu giá cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn các số liệu, ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa cung cấp.

Bản công bố thông tin này chỉ mang giá trị tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Tổ chức tư vấn (IVS) và cổ đông bán cổ phần (SCIC) không có trách nhiệm nếu thông tin và tài liệu do Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa cung cấp không trung thực với thực tế hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Ban tổ chức đấu giá : Đại diện Công ty, đại diện tổ chức bán đấu giá được thành lập để thực hiện việc bán đấu giá vốn của SCIC ra bên ngoài và các công việc liên quan khác.

Công ty	: CTCP Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa
CTCP	: Công ty cổ phần
HĐQT	: Hội đồng quản trị
ĐHDCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
Tổ chức bán đấu giá :	Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam
SCIC	: Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
UBND	: Ủy ban Nhân dân

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

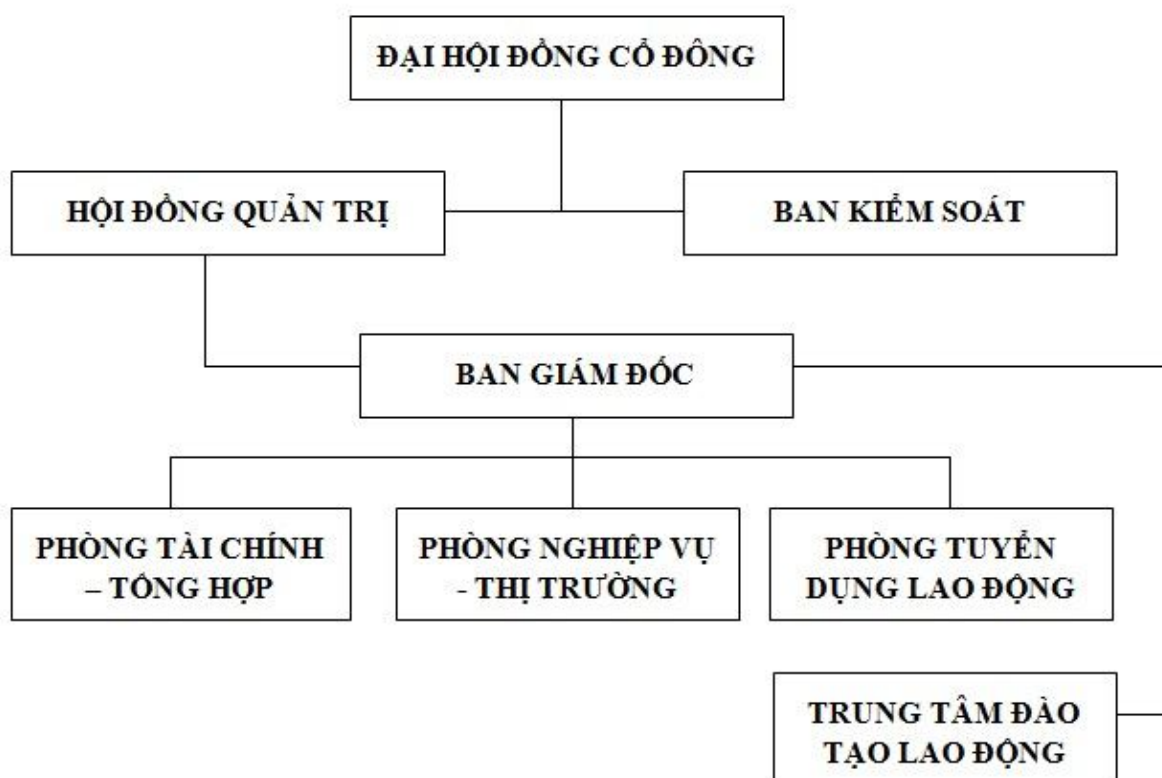
Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa được thành lập từ năm 2000, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xuất khẩu lao động, đào tạo nghề và nâng cao trình độ cho lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Tháng 12/2006, Công ty thực hiện chuyển đổi sang hình thức cổ phần hóa doanh nghiệp. Công ty là doanh nghiệp xuất khẩu lao động duy nhất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài số 46/LĐT BXH-GP cấp ngày 14/01/2008.

Các thị trường xuất khẩu lao động chính của Công ty hiện nay bao gồm: Nhật Bản, Đài Loan, Malaysia, LB Nga, CH Séc, CH Slovakia, Macao, các nước Trung Đông như Ả rập, Qatar...

2. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty:

2.1. Cơ cấu tổ chức:

Hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa có cơ cấu tổ chức bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và các phòng ban chức năng phục vụ hoạt động của Công ty.



2.2. Nhiệm vụ, chức năng các phòng ban:

2.2.1 Đại hội đồng cổ đông:

- 1) ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 2) ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ như sau:
 - Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn Điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;
 - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2.2.2 Hội đồng quản trị:

- 1) HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2) HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - Hợp đồng lao động phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh và kế hoạch theo từng thời kỳ;
 - Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản

được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Điều lệ Công ty;

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với: Giám đốc, phó Giám đốc, kế toán trưởng, các trưởng phòng và giám đốc chi nhánh, quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó;
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc cấp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Trình báo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2.2.2 Ban kiểm soát:

- 1) Ban kiểm soát có 3 thành viên do ĐHĐCĐ bầu và bãi nhiệm.
- 2) Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:
 - Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;
 - Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty;

- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2, Điều 11 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- Thực hiện quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2.2.3 Ban Giám đốc:

- 1) Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự kiểm tra giám sát của HĐQT, Ban kiểm soát, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- 2) Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT;
 - Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
 - Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty; Kiến nghị về số lượng và các loại Cán bộ quản lý mà Công ty cần để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết, để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu do HĐQT đề xuất, và tham mưu cho HĐQT để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Cán bộ quản lý;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty sau khi có Nghị quyết của HĐQT, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý theo Nghị quyết của HĐQT;

- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Ký kết các Hợp đồng dân sự, Hợp đồng kinh tế (hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê...) của Công ty khi có ủy quyền của Chủ tịch HĐQT hoặc sau khi có Nghị quyết của HĐQT bằng văn bản;
- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; Xây dựng phương án huy động vốn; Xây dựng dự án đầu tư: phương án liên doanh liên kết; xây dựng phương án phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên hoặc với các doanh nghiệp khác trình HĐQT; thông qua ĐHĐCĐ phê duyệt;
- Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương phù hợp với các quy định của Nhà nước, trình HĐQT phê duyệt; Kiểm tra việc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ Công ty;
- Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc phải trình HĐQT kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của SXKD cũng như kế hoạch tài chính năm năm để HĐQT trình ĐHĐCĐ quyết định;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Báo cáo trước HĐQT về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của Chính phủ.

3. **Vốn Điều lệ và Cơ cấu Cổ đông của Công ty:**

3.1. **Vốn Điều lệ của Công ty:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **số 2800539348** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa, cấp lần đầu ngày 08 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 04 tháng 06 năm 2012, Vốn điều lệ của Công ty là **5.000.000.000** đồng, trong đó phần vốn nhà nước thực góp là **3.064.175.797** đồng, chiếm tỷ lệ **61,28%** Vốn điều lệ.

3.2. **Cơ cấu cổ đông của Công ty:**

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/06/2013

TT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (Cp)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
1	Cổ đông nhà nước	306.418	3.064.180.000	61,28%
2	Cổ đông trong Công ty	123.982	1.239.820.000	24,80%
3	Cổ đông ngoài Công ty	69.600	696.000.000	13,92%
	Tổng cộng	500.000	5.000.000.000	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa)

4. **Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Công ty, những Công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty mà nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:** Không có.

5. **Tình hình lao động:**

5.1. **Tổng số lao động của Công ty:**

CƠ CẤU LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Tại thời điểm 30/06/2013

TT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Phân theo trình độ lao động		
	Trên Đại học và Đại học	8	57,1%
	Cao đẳng và trung cấp	4	28,6%
	Lao động phổ thông	2	14%
2	Phân theo đối tượng lao động		
	Lao động trực tiếp	6	42,9%
	Lao động gián tiếp	8	57,1%
	Tổng cộng	14	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa)

5.2. **Chính sách đối với người lao động:**

Người lao động trong Công ty được thực hiện Hợp đồng lao động theo quy định của Luật Lao động và theo Luật Doanh nghiệp.

Doanh nghiệp nộp đầy đủ BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn và các nghĩa vụ cho người lao động theo Luật BHXH và các quy định hiện hành.

6. Hoạt động kinh doanh:**6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh:**

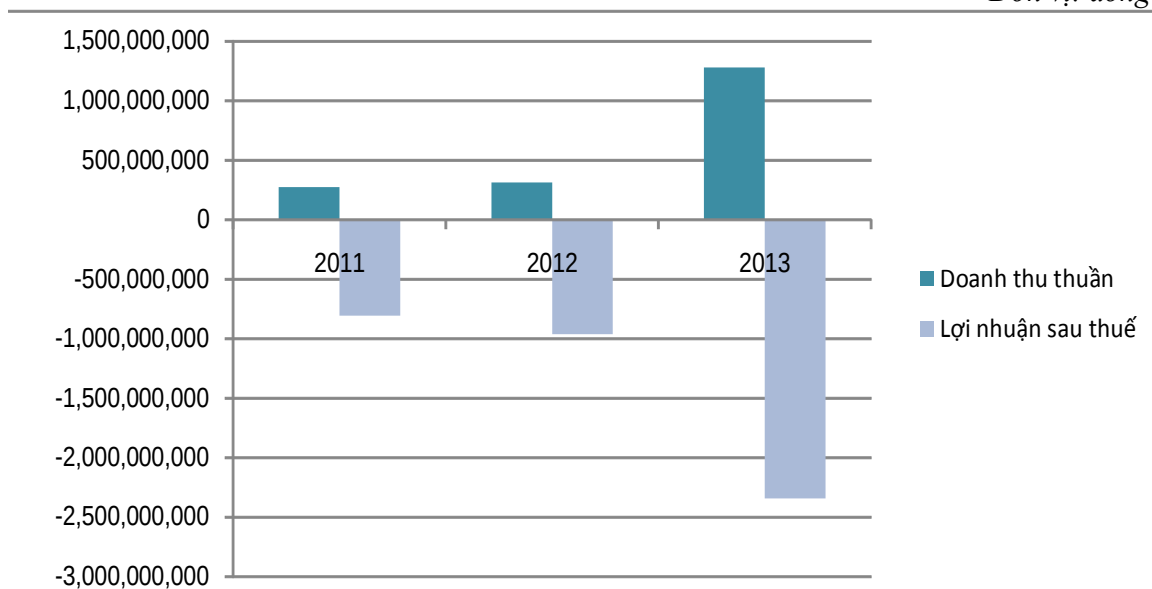
Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	2011	2012	2013
Tổng tài sản	8.099.451.988	5.829.721.947	3.760.256.825
<i>Tăng/giảm</i>	<i>-11,85%</i>	<i>-28,02%</i>	<i>-35,50%</i>
Vốn điều lệ	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Doanh thu thuần	275.953.100	314.887.000	1.281.585.455
<i>Tăng/giảm</i>	<i>-83,40%</i>	<i>14,11%</i>	<i>307,00%</i>
Giá vốn hàng bán	-	-	-
<i>Tăng/giảm</i>	-	-	-
Giá vốn hàng bán/DTT	0%	0%	0%
Lợi nhuận từ HĐKD	-772.303.580	-962.581.749	-2.131.829.461
Lợi nhuận khác	-32.874.914	147.890	-211.168.069
Lợi nhuận trước thuế	-805.178.494	-962.433.859	-2.342.997.530
Lợi nhuận sau thuế	-805.178.494	-962.433.859	-2.342.997.530

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa)

Biểu đồ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận sau thuế qua các năm

Đơn vị: đồng



(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa)

Giai đoạn 2011-2013, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty có diễn biến ngược chiều nhau. Doanh thu thuần tăng qua các năm, đạt thấp nhất 275.953.100 đồng năm 2011 và tiếp tục tăng trong 02 năm tiếp theo đạt mức cao nhất 1.281.285.455 đồng năm 2013. Ngược lại, lợi nhuận sau thuế có dấu hiệu liên tục giảm trong cùng giai đoạn và đều ở mức âm.

Năm 2013, lợi nhuận sau thuế ở mức thấp nhất còn (2.342.997.530 VNĐ). Nhìn chung, tình hình kinh doanh của Công ty kém hiệu quả.

6.2. Cơ cấu chi phí:

Chi phí	2011		2012		2013	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng
GVHB	-	0,0%	-	0%	-	0%
Chi phí TC	2.000.000	0,12%	-	0%	800.000	0,02%
Chi phí lãi vay	2.000.000	0,12%	-	0%	-	0%
Chi phí QLDN	1.174.274.298	67,63%	1.436.941.132	100%	3.541.460.215	90,83%
Chi phí khác	560.042.187	32,25%	-	0%	356.766.097	9,15%
Tổng cộng	1.736.316.485	100%	1.436.941.132	100%	3.899.026.312	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa)

Do bản chất hoạt động kinh doanh đặc thù, Công ty không ghi nhận chi phí giá vốn hàng bán trong giai đoạn 2011-2013. Ngoài ra, Công ty không có các khoản vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhiều, vì vậy không chịu nhiều áp lực từ chi phí tài chính. Chi phí quản lý doanh nghiệp là khoản mục chi phí đáng kể nhất, trung bình chiếm 86,15% tổng chi phí trong cả giai đoạn 2011-2013. Đặc biệt, khoản mục chi phí này biến động tăng đột biến vào năm 2013, tuy chỉ chiếm tỷ trọng 90,83% trên tổng chi phí cả năm, tuy nhiên đã tăng 146,46% so với năm 2012. Khoản chi phí quản lý doanh nghiệp này và khoản chi phí khác phát sinh thêm trong năm đã góp phần làm cho khoản lỗ của Công ty trong năm 2013 càng lớn so với các năm trước.

6.3. Tình hình công nợ hiện nay:

Các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	2011	2012	2013
Phải thu của khách hàng	166.890.518	91.857.900	198.592.900
Trả trước cho người bán	192.373.129	334.477.129	251.542.129
Các khoản phải thu khác	2.273.995.221	2.239.634.306	2.735.199.226
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	(2.027.624.594)
TỔNG CỘNG	2.633.258.868	2.665.969.335	1.157.709.661

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa)

Giai đoạn 2011-2013, tổng các khoản phải thu có xu hướng ổn định tuy nhiên vẫn ở mức cao. Đặc biệt, năm 2013, khoản phải thu đã giảm 56,57% so với năm trước đó. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm Công ty trích dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đến 2.027.624.594 đồng và các khoản phải thu khác và phải thu khách hàng tăng nhẹ.

Các khoản phải trả

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	2011	2012	2013
Nợ ngắn hạn	3.010.225.975	1.708.201.059	1.579.477.564
Vay và nợ ngắn hạn	-	180.000.000	232.550.000
Phải trả người bán	108.279.168	105.638.168	139.557.300
Người mua trả tiền trước	1.592.310.500	425.673.000	618.202.000
Thuế và các khoản phải nộp NN	-	-	16.454.545
Phải trả người lao động	-	-	38.371.880
Chi phí phải trả	123.998.028	123.998.028	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.185.419.459	872.673.043	534.123.019
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	218.820	218.820	218.820
Nợ dài hạn	131.641.801	126.610.097	33.160.000
Vay và nợ dài hạn	131.641.801	-	-
Phải trả dài hạn khác	-	126.610.097	33.160.000
TỔNG CỘNG	3.141.867.776	1.834.811.156	1.612.637.564

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa)

Tổng các khoản phải trả có xu hướng giảm trong giai đoạn 2011-2013. Trong năm 2012 đã giảm 41,6% so với năm trước đó và tiếp tục giảm 12,11% trong năm 2013 còn 1.612.637.564 đồng. Hai khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất là người mua trả tiền trước và các khoản phải trả phải nộp khác.

6.4. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CHỈ TIÊU	Đvt	2011	2012	2013
Khả năng thanh toán				
1. Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,18	2,62	1,86
2. Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,16	2,60	1,84
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1. Vòng quay các khoản phải thu	Lần	0,10	0,12	0,67
2. Vòng quay hàng tồn kho	Lần	0,00	0,00	0,00
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	-291,78	-305,64	-182,82
2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-16,10	-19,25	-46,86
3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-9,94	-16,51	-62,31
Chỉ số về cơ cấu vốn				
1. Tỷ lệ nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	63,37	45,93	75,09
2. Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng tài sản	%	38,79	31,47	42,89

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa)

Về chỉ tiêu khả năng thanh toán: Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán nhanh đều duy trì được mức độ an toàn qua các năm. Do đặc thù hoạt động kinh doanh, hàng tồn kho chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tài sản ngắn hạn. Công ty đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của mình.

Về chỉ tiêu khả năng sinh lời: Giai đoạn 2011-2013, Công ty ghi nhận lỗ từ lợi nhuận sau thuế. Đặc biệt, trong năm 2013 ghi nhận khoản lỗ lên tới (2.342.997.530 VNĐ). Chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty ngày càng có dấu hiệu ngày càng kém.

Về chỉ tiêu cơ cấu vốn: Công ty không vay nợ nhiều, cơ cấu vốn ở mức an toàn. Tuy nhiên, các chỉ số về cơ cấu vốn có sự gia tăng năm 2013, trong khi năm 2012 cơ cấu vốn, do thực tế nợ phải trả năm 2012 có xu hướng giảm trong khi tổng tài sản cũng như vốn chủ sở hữu tăng không đáng kể.

V. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

1. Thuận lợi:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được sự quan tâm giúp đỡ của UBND tỉnh Thanh Hóa, các sở ban ngành trong địa bàn tỉnh.
- Công ty có cơ chế quản lý rõ ràng, tạo được sự chủ động cho các chi nhánh, đơn vị.

2. Khó khăn:

- Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, tỷ lệ lao động thất nghiệp rất cao trên toàn thế giới, do vậy thị trường đầu ra lao động gặp rất nhiều khó khăn, nhiều thị trường truyền thống bị đóng cửa hoặc hạn chế tiếp nhận lao động. Một số thị trường mới Công ty đang nỗ lực khai thác như: Cộng hòa Séc, Slovakia, Cộng hòa liên bang Nga... tuy nhiên hiệu quả thấp, gặp không ít khó khăn. Nhiều hợp đồng đang trong quá trình triển khai thực hiện, phải hủy bỏ, nguyên nhân chính là do khủng hoảng kinh tế, Chính phủ các nước đều áp dụng chính sách bảo trợ lao động trong nước, từ chối tiếp nhận lao động nước ngoài.

- Nhiều lao động đã xuất cảnh cũng rơi vào tình trạng mất việc, Công ty đã phải nỗ lực can thiệp giải quyết và duy trì để hợp đồng không bị phá vỡ như: số lao động may công nghiệp tại Cộng hòa liên bang Nga, Cộng hòa Séc.

- Tình trạng lao động mất việc làm phải về nước trước thời hạn ngày càng gia tăng, gây tổn thất nặng nề cho Công ty. Mặt khác, do tính chất khó khăn phức tạp của thị trường đã ảnh hưởng nặng nề tới tâm lý người lao động, gây mất niềm tin. Công ty đã tuyển dụng và đào tạo, tuy nhiên nhiều lao động đã đơn phương phá vỡ cam kết không tham gia XKLD mặc dù Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết, gây tổn thất lớn cho Công ty.

- Tính chất cạnh tranh trong lĩnh vực XKLD ngày càng gay gắt, xu hướng đòi hỏi về chất lượng lao động, trình độ tay nghề của thị trường lao động thế giới ngày càng khắt khe. Do vậy, đòi hỏi Công ty phải tăng cường đầu tư nâng cấp hoạt động đào tạo nghề, ngoại ngữ và giáo dục định hướng cho người lao động... Tuy nhiên, Công ty rất khó khăn về vốn nên không thể đầu tư được.

- Trong năm 2011, UBND tỉnh Thanh Hóa đã có công văn số 7115/UBND-NN ngày 19/10/2011 về việc chấp thuận địa điểm xây dựng mới Trụ sở làm việc của Công ty cổ phần dịch vụ xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa, cụ thể:

- o Tổng diện tích khu đất khoảng 2.200 m²
- o Vị trí khu đất có giới hạn: Phía Tây giáp đường theo quy hoạch, phía Tây Nam giáp khu đất mở rộng Cửa hàng bán lẻ xăng dầu của Công ty Xăng dầu Thanh Hóa, phía Đông Bắc giáp đất quy hoạch Văn phòng trụ sở, phía Đông Nam giáp khu đất của Công ty Bảo vệ thực vật Trung ương và Công ty quản lý đường sông.

- o Về quy hoạch: theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Bắc Cầu Hạc, thành phố Thanh Hóa được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 12/02/2009 và mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Lô 2- Khu đô thị Bắc Cầu Hạc được UBND thành phố Thanh Hóa phê duyệt số 273/UBND-QLĐT ngày 12/02/2010, khu đất này được quy hoạch là đất Văn phòng, Trụ sở.
- o Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày ký Công văn này, Công ty cổ phần Dịch vụ xuất khẩu lao động và Chuyên gia Thanh Hóa phải hoàn thành việc lập hồ sơ đầu tư xây dựng, hồ sơ sử dụng đất và có văn bản cam kết tiến độ thực hiện dự án trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Quá thời hạn nêu trên, nếu Công ty không hoàn thiện hồ sơ đầu tư xây dựng, hồ sơ sử dụng đất theo quy định thì Công văn này không còn giá trị pháp lý.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn chưa nhận được quyết định giao đất chính thức và đang thuê trụ sở để hoạt động.

- Trong năm 2011, hoạt động sản xuất kinh doanh tại các chi nhánh trong Công ty không hiệu quả, đặc biệt tại chi nhánh Hà Tĩnh. Công ty đã phải chấm dứt hoạt động của 2/3 chi nhánh trong Công ty, đồng thời nỗ lực trong việc giải quyết hậu quả.

- Các khoản nợ của Công ty phần lớn là nợ quá hạn khó đòi, trong năm 2013 Công ty đã trích lập khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với giá trị (2.027.624.594) đồng trong tổng số khoản phải thu ngắn hạn hơn 3 tỷ đồng. Đây cũng chính là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2013 của Công ty bị lỗ (2.342.997.530) đồng.

VI. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế:

Năm 2013, nền kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Nền kinh tế toàn cầu đang dần hồi phục tuy nhiên hồi phục chậm và tiềm ẩn nhiều nguy cơ. Chính sách bảo hộ hàng hóa nội địa diễn ra ở nhiều nước gây ảnh hưởng lớn đến cầu thị trường. Sản xuất trong nước gặp nhiều khó khăn do hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm cùng với đó là việc nhiều doanh nghiệp phá sản giải thể vẫn diễn ra ở cuối năm 2012.

Nửa đầu năm 2013, quốc hội đã thông qua nhiều chính sách quan trọng. Trong đó, chính sách giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ 1/1/2014 xuống còn 22% dự kiến sẽ tạo ra cú hích lớn trong nền kinh tế và là cơ hội cho nhiều Doanh nghiệp tận dụng vốn trong Sản xuất-Kinh doanh. Kèm theo đó, các chính sách có lợi về tiền lương cơ sở cùng với thuế thu nhập cá nhân cũng được đề xuất và thông qua, là những thông tin đáng mừng.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2013 kết thúc với với tăng trưởng *tổng sản phẩm quốc nội (GDP)* ước tính tăng 5,42% so với năm 2012. Mức tăng trưởng này tuy thấp hơn mục tiêu tăng 5,5% đề ra nhưng cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và có tín hiệu phục hồi. Giá cả hàng hóa khá ổn định CPI tăng 6.04%, đây là năm có CPI tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây.

Trong năm 2013, kim ngạch xuất khẩu cả năm ước đạt 132,2 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2012. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2013 đạt 131,3 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước. Như vậy, Việt Nam tiếp tục xuất siêu hơn 0,9 tỷ USD, sau khi đã xuất siêu 0,78 tỷ USD ở năm trước đó.

Nhìn chung, nền kinh tế nước ta trong năm 2013 đã dần ổn định, lạm phát được kiềm chế ở mức thấp, xuất khẩu tăng mạnh và hàng hóa xuất khẩu đa dạng hơn, xuất khẩu công nghệ cao đã chiếm tới 1/5 tỷ trọng trong xuất khẩu. Ngoài ra, VN đứng thứ 2 trong các địa chỉ đầu tư trong ASEAN dù tỷ lệ FDI/GDP giảm. Kèm theo đó là nhiều thông tin ảnh hưởng tích cực đến nền kinh tế được Quốc hội phê duyệt khiến cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế hoàn toàn có cơ sở để tin tưởng về sự tăng trưởng của nền kinh tế trong giai đoạn tới. Điều này thực sự sẽ có những tác động tích cực đến các chủ thể tham gia vào nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa.

2. Rủi ro Pháp luật:

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa phải chịu sự chi phối của Pháp luật và các chính sách của Nhà nước, cụ thể:

- Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện.

- Các văn bản Pháp luật cũng như chính sách liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động cũng như chiến lược phát triển của Công ty.

Sự thay đổi các quy định Pháp luật trên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù:

Xuất khẩu lao động là lĩnh vực hoạt động chính của Công ty, và chịu những rủi ro đặc thù liên quan đến tình hình kinh tế. Cụ thể, trong thời gian gần đây, tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước không thuận lợi, các thị trường xuất khẩu lao động không có nhiều nguồn cung việc làm. Lao động mất việc phải trở về nước trước thời hạn khiến Công ty phải bồi thường rất nhiều gây tổn thất cho hoạt động của Công ty. Đồng thời, lao động mới trong nước muốn đi xuất khẩu cũng đều gặp khó khăn. Thêm vào đó, chi phí để đi xuất khẩu tăng cao, người lao động không thể đáp ứng được. Ngoài ra, tình trạng lao động bỏ trốn cũng là vấn đề đau đầu mà Công ty phải tìm cách giải quyết.

4. Rủi ro từ đợt bán đấu giá:

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước thực hiện thoái vốn của mình tại Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa trong giai đoạn thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi. Rủi ro của đợt bán đấu giá là số cổ phần chào bán có thể không được đăng ký mua hết.

Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư có xu hướng đầu tư dài hạn, nghiên cứu sâu về hoạt động kinh doanh của Công ty thì sẽ có nhận định hợp lý về giá trị cổ phiếu của Công ty.

5. Rủi ro khác:

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra, chúng có thể ảnh hưởng và gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

VII. DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC CHỨC DANH QUẢN LÝ CÔNG TY

1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

❖ Ông Lê Văn Tình – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Họ và tên	Lê Văn Tình
Ngày tháng năm sinh	1973
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Tân Phúc, Nông Cống, Thanh Hóa
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính Kế toán
Chức vụ đang nắm giữ	Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân	0
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Nguyễn Ngọc Gắm – Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Nguyễn Ngọc Gắm
Ngày tháng năm sinh	1965
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Quảng Lợi, Quảng Xương, Thanh Hóa
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ	Thành viên hội đồng quản trị
Số cổ phần nắm giữ	

- Cá nhân	31.300 cổ phần, tương ứng 6,26%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Nguyễn Đức Anh – Thành viên Hội đồng quản trị

2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

❖ Bà Võ Thị Tâm - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên	Võ Thị Tâm
Ngày tháng năm sinh	1978
Số CMND	171756633
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Quảng Thọ, Quảng Xương, Thanh Hóa
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân xã hội
Chức vụ đang nắm giữ	Trưởng Ban Kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân	1.000 cổ phần, tương ứng 0,2%
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ **Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên	Nguyễn Thị Thanh Thủy
Ngày tháng năm sinh	1985
Số CMND	172009251
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hoằng Lộc, Hoằng Hóa, Thanh Hóa
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Ngoại ngữ
Chức vụ đang nắm giữ	Ban viên Kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân	0
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ **Ông Nguyễn Đức Huy - Thành viên Ban kiểm soát****3. Danh sách thành viên Ban giám đốc:**❖ **Ông Lê Văn Tình – Giám đốc, kiêm Chủ tịch HĐQT**

Xem phần VII.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

4. Kế toán trưởng:❖ **Bà Nguyễn Thị Hiền – Kế toán trưởng**

Họ và tên	Nguyễn Thị Hiền
Ngày tháng năm sinh	1986
Số CMND	172977685
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xuân Châu, Thọ Xuân, Thanh Hóa

Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính Kế toán
Chức vụ đang nắm giữ	Kế toán Trưởng
Số cổ phần nắm giữ	
- Cá nhân	0
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

VIII. CỔ PHIẾU BÁN ĐẤU GIÁ

1. Thông tin cơ bản:

- ❖ **Tên tổ chức phát hành** : CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VÀ CHUYÊN GIA THANH HÓA
- ❖ **Tên Tiếng Anh** : THANH HOA LABOUR AND EXPERT EXPORT SERVICE JOINT STOCK COMPANY
- ❖ **Tên viết tắt** : LEESCO
- ❖ **Trụ sở chính** : Số 57 Phú Thọ 3, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
- ❖ **Điện thoại** : 037.3750928
- ❖ **Fax** : 037.3750929
- ❖ **Vốn Điều lệ** : 5.000.000.000 đồng
- ❖ **Loại cổ phần phát hành** : Cổ phần phổ thông
- ❖ **Mệnh giá cổ phần** : 10.000 đồng/01 cổ phần (Mười ngàn đồng một cổ phần)
- ❖ **Số lượng cổ phần đấu giá** : 306.418 cổ phần
- ❖ **Giá khởi điểm** : 5.000 đồng/01 cổ phần (Năm nghìn đồng một cổ phần)
- ❖ **Hình thức phát hành** : Đấu giá công khai

2. Mục đích của việc chào bán:

Mục đích của việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương của SCIC tại doanh nghiệp mà SCIC không cần giữ cổ phiếu.

3. Phương pháp tính giá:

Xác định theo giá đặt mua từ cao xuống thấp, nhà đầu tư đặt mua theo giá nào thì được mua cổ phần theo giá đó.

4. Phương thức phân phối:

Tổ chức bán đấu giá công khai ra bên ngoài.

5. Đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá:

- Có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có địa chỉ cụ thể, rõ ràng; Nếu người đại diện pháp nhân thì phải có giấy ủy quyền; Nếu là cá nhân phải có chứng minh thư nhân dân, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự.

- Đối với nhà đầu tư nước ngoài: ngoài các quy định như đối với pháp nhân và cá nhân trong nước, phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt nam và tuân thủ Pháp luật Việt nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.

- Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư: Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.

- Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo đúng mẫu và nộp đơn đăng ký đấu giá đúng thời hạn đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc giấy mời.

- Đặt cọc đủ **30%** giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo mức giá khởi điểm do Ban đấu giá công bố ngay tại thời điểm nộp đơn đăng ký đấu giá.

- Những đối tượng không được tham gia đấu giá:

+ Cán bộ SCIC có liên quan đến bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Dịch vụ xuất khẩu lao động và Chuyên gia Thanh Hóa;

+ Cá nhân và tổ chức tài chính trung gian thực hiện định giá hoặc đấu giá bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Dịch vụ xuất khẩu lao động và Chuyên gia Thanh Hóa

6. Thời gian và địa điểm đăng ký tham dự đấu giá:

- Thời gian đăng ký tham dự đấu giá và nộp tiền đặt cọc: từ 8h00 ngày 28/03/2014 đến 15h30 ngày 22/04/2014.

- **Địa điểm đăng ký tham dự đấu giá và nộp cọc:** Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc bằng **30%** giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm. Tiền đặt cọc sẽ không được hưởng lãi. Tiền đặt cọc nộp bằng đồng Việt Nam, chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản của Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (mọi chi phí liên quan đến việc nộp tiền, chuyển tiền đặt cọc thuộc trách nhiệm của nhà đầu tư).

❖ Đăng ký tham dự đấu giá qua Tổ chức đấu giá:

Công ty cổ phần chứng khoán đầu tư Việt Nam

- **Địa chỉ** : Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
- **Điện thoại** : (84-4) 3573 0073
- **Fax** : (84-4) 3573 0088

❖ Đăng ký tham dự đấu giá qua Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa:

Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa

- **Địa chỉ** : Số 57 Phú Thọ 3, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
- **Điện thoại** : 037.3750928
- **Fax** : 037.3750929

- Sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký, nhà đầu tư được cấp phiếu tham dự đấu giá.

Lưu ý: Nhà đầu tư chỉ được sửa đổi hoặc hủy đăng ký tham gia đấu giá trong thời gian làm thủ tục đăng ký nêu trên.

Trường hợp hủy đăng ký tham gia đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn đề nghị hủy đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu quy định của Tổ chức đấu giá.

7. Lập và nộp phiếu tham dự đấu giá:

❖ Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:

- Phiếu do Tổ chức bán đấu giá cấp (bản chính);
- Có đóng dấu treo của Tổ chức bán đấu giá và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định;
- Phiếu không được tẩy xóa hoặc rách nát;
- Giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm;
- Tổng số cổ phần đặt mua tối đa bằng mức đăng ký;
- Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên phiếu và chữ ký giáp lai niêm phong của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định;
- Nếu có sự khác nhau giữa giá trị được ghi bằng số và giá trị được ghi bằng chữ thì giá trị được ghi bằng chữ sẽ được công nhận.

❖ Bỏ phiếu kín theo đúng thời hạn quy định và có 2 cách bỏ phiếu kín:

- Cách 1: Đối với nhà đầu tư tham dự vắng mặt:

Nhà đầu tư gửi phiếu tham dự đấu giá chậm nhất 15h30 ngày 23/04/2014 đến địa điểm sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Ban tổ chức đấu giá ký nhận phiếu tham dự đấu giá và ký nhận với nhà đầu tư.

- Cách 2: Đối với nhà đầu tư nộp phiếu tham dự đấu giá tại nơi tổ chức đấu giá:

Nhà đầu tư bỏ phiếu kín trực tiếp vào thùng phiếu theo thông báo thời điểm bỏ phiếu của Ban tổ chức đấu giá tại buổi đấu giá.

Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Ban tổ chức đấu giá nhận phiếu tham dự đấu giá và ký nhận với nhà đầu tư.

Trường hợp phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa: Nhà đầu tư phải yêu cầu nơi cấp phiếu đổi phiếu mới sau khi đã nộp phiếu cũ.

Trường hợp nhà đầu tư mất phiếu: Nhà đầu tư phải làm đơn (theo mẫu quy định) đề nghị cấp lại phiếu mới và phiếu cũ coi như không còn giá trị.

8. Lưu ý một số vấn đề đối với nhà đầu tư khi đến tham dự đấu giá:

- Nếu là cá nhân phải có chứng minh thư nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ.
- Trường hợp người đại diện cho pháp nhân mà không phải là người đại diện pháp lý của đơn vị, thì phải có giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp lý của đơn vị.
- Đem phiếu đấu giá có đóng dấu treo của tổ chức đấu giá.

9. Thời hạn thanh toán và hoàn trả tiền đặt cọc:

- Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần: Từ ngày 26/04/2014 đến 15h30' ngày 13/05/2014
- Thời gian hoàn trả tiền đặt cọc: Từ ngày 26/04/2014 đến 15h30 ngày 09/05/2014.
- Căn cứ vào thông báo kết quả đấu giá, nhà đầu tư trúng giá mua cổ phần có trách nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy thông báo trúng giá.
- Hình thức thanh toán tiền mua cổ phần: thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản về tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần.

10. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần:

Tài khoản số : 4001 11000 4848 704 6805

Tại : Ngân Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Hội sở chính.

Chủ Tài khoản : Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước.

Nội dung : Nộp tiền mua cổ phần của Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa.

11. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Điều lệ Công ty không quy định giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài. Đồng thời, việc bán cổ phần Nhà nước tại doanh nghiệp không thuộc trường hợp quy định đặc biệt và theo quy định tại Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam (Điều 10 của Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp của Thủ tướng Chính phủ) thì mức góp vốn, mua cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài ở doanh nghiệp Việt Nam với mức không hạn chế.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: Không

13. Các loại thuế có liên quan đến cổ phần chào bán: Không

IX. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

1. Địa điểm tổ chức đấu giá:

Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa

Địa chỉ: Số 57 Phú Thọ 3, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

2. Thời gian tổ chức đấu giá: 14h30 ngày 25/04/2013

X. ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Công ty cổ phần Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia Thanh Hóa

Địa chỉ : Số 57 Phú Thọ 3, phường Phú Sơn, Tp. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại : 037.3750928

Fax : 037.3750929

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3573 0073

Fax : (84-4) 3573 0088

Website : www.ivs.com.vn

Đại diện Công ty cổ phần
Dịch vụ Xuất khẩu lao động
và chuyên gia Thanh Hóa

Đại diện Công ty cổ phần
Chứng khoán Đầu tư Việt Nam

Ông: Lê Văn Tình
Giám đốc

Ông: Đoàn Ngọc Hoàn
Tổng Giám đốc